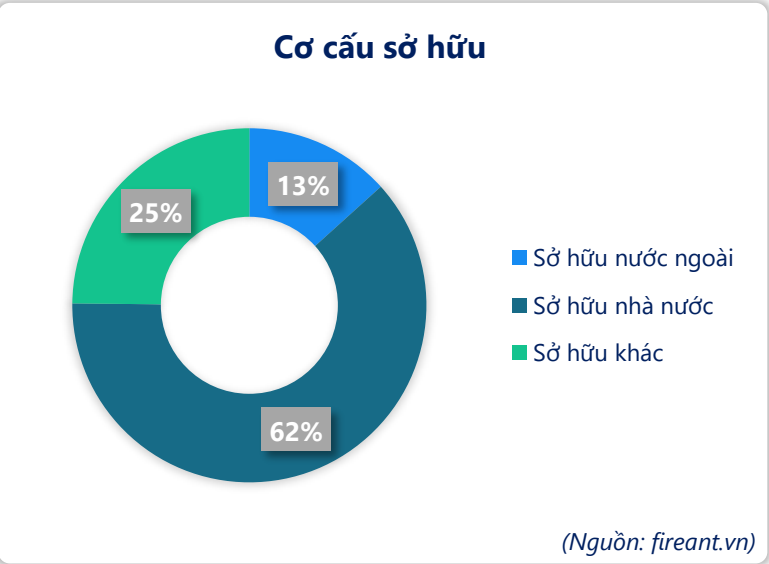
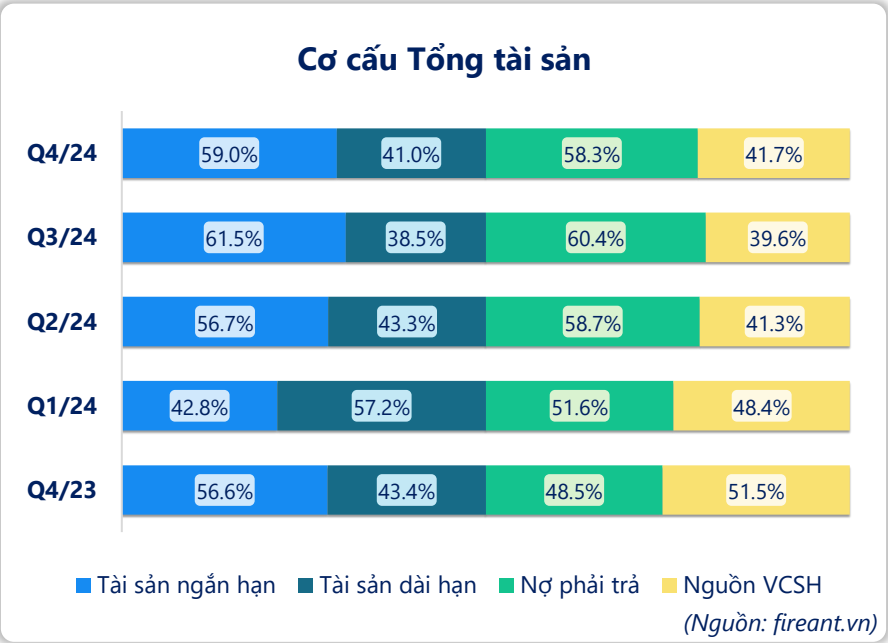
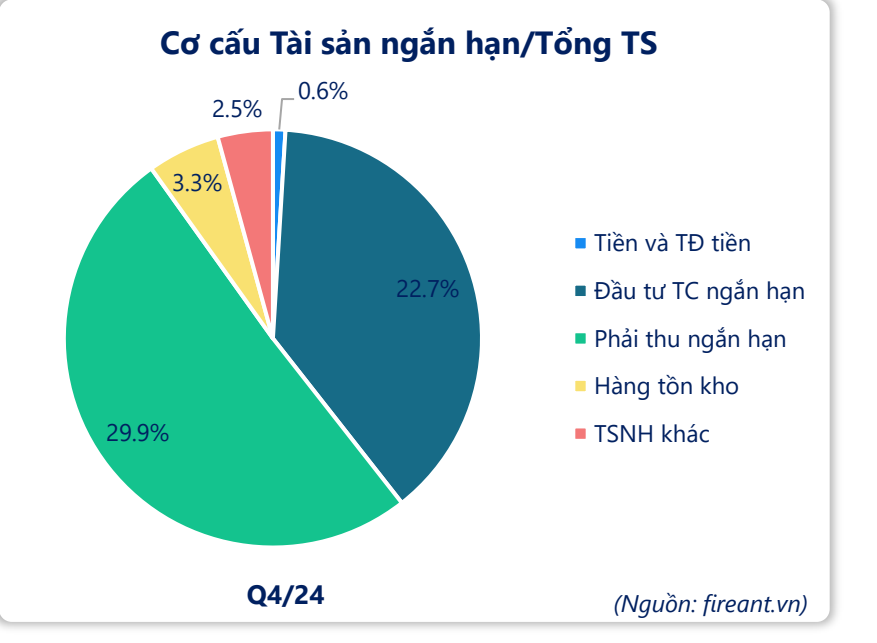
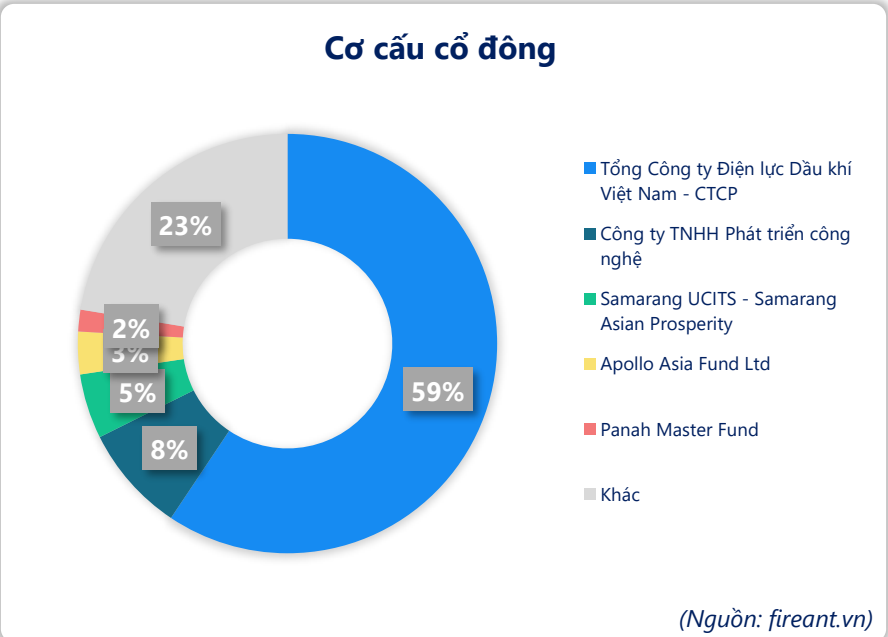
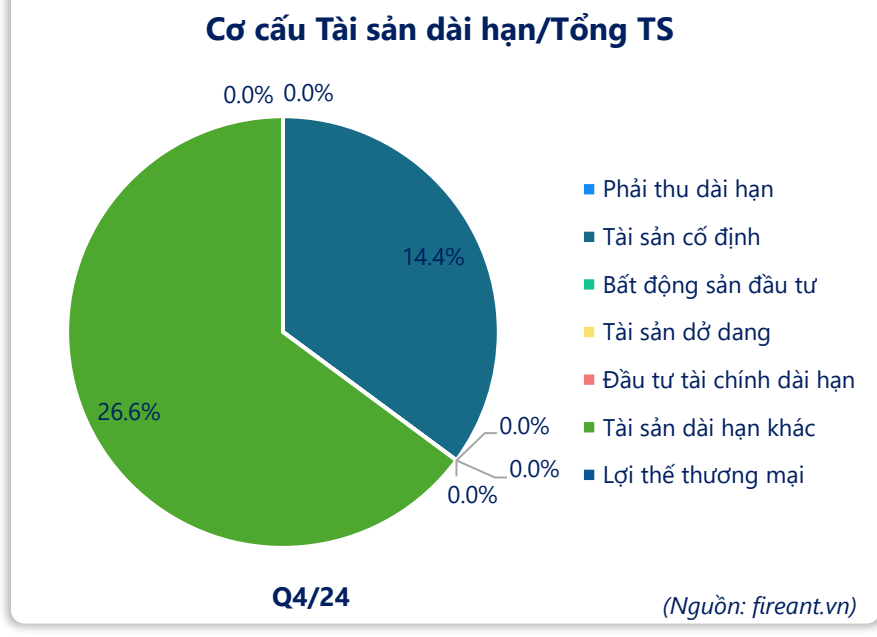
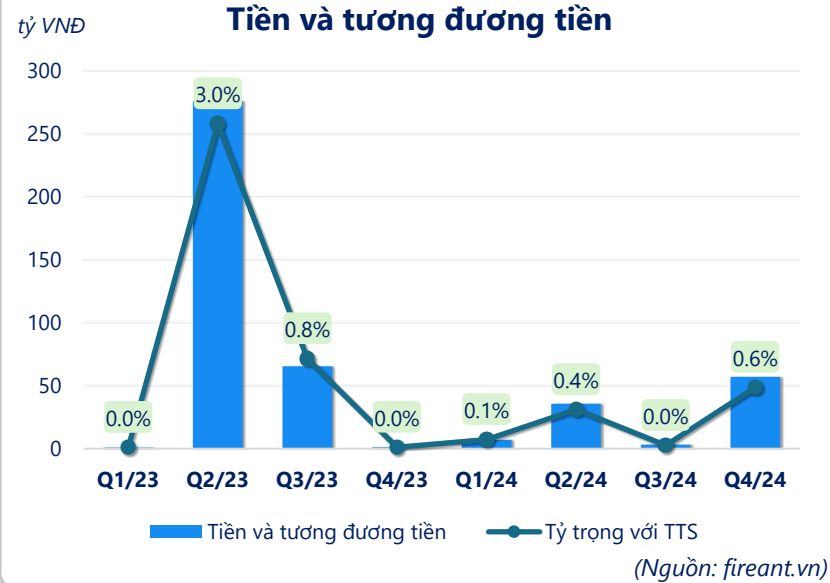
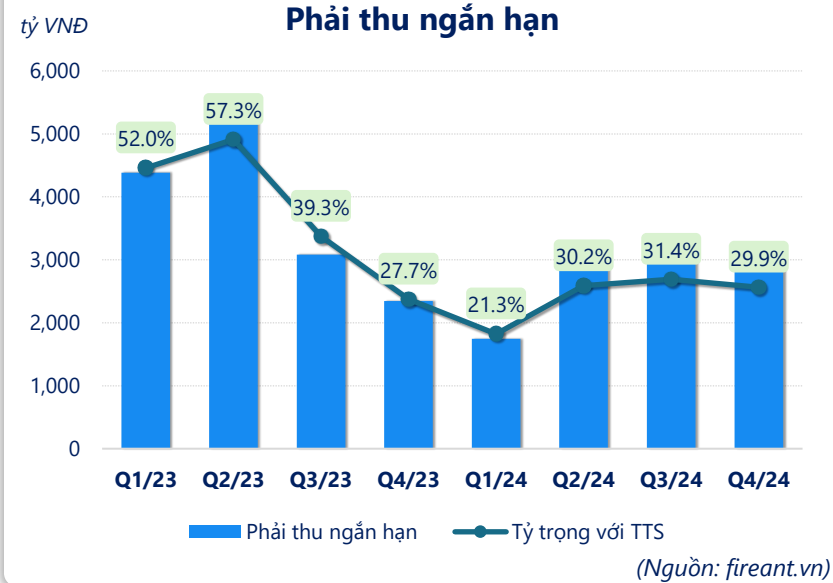
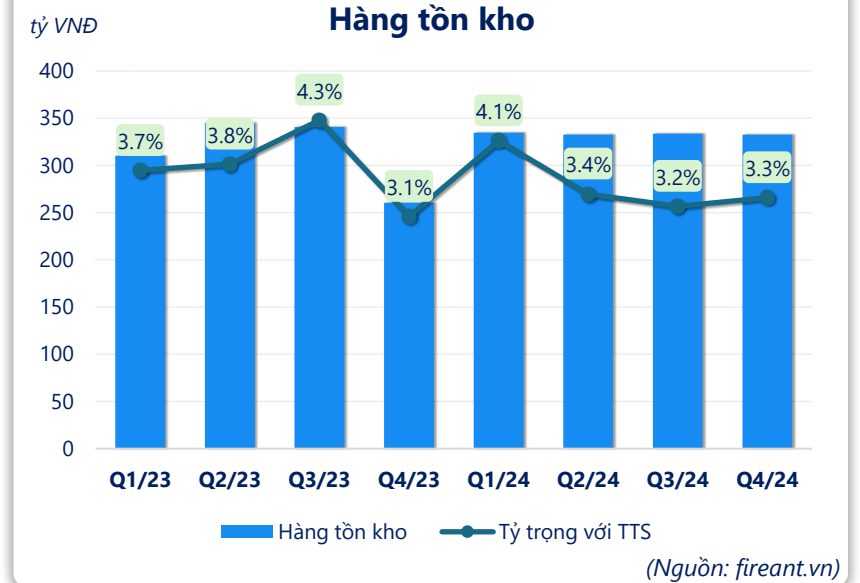
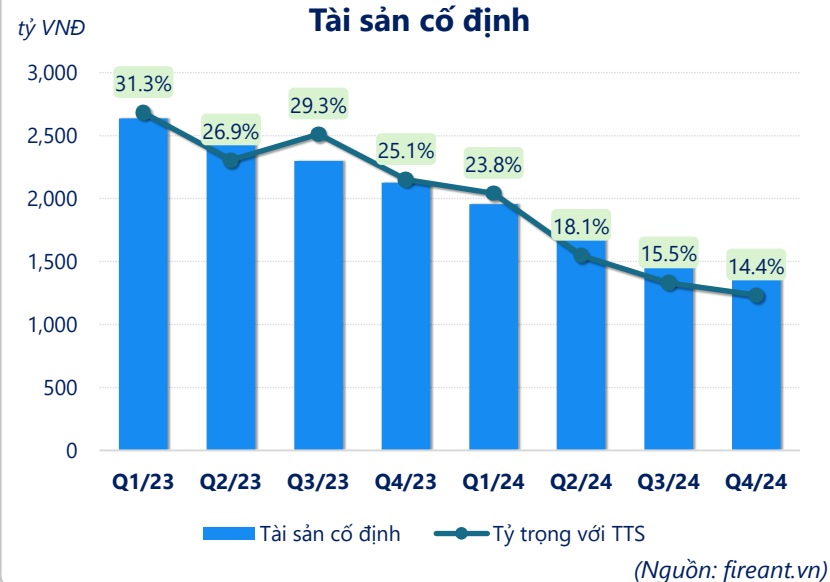
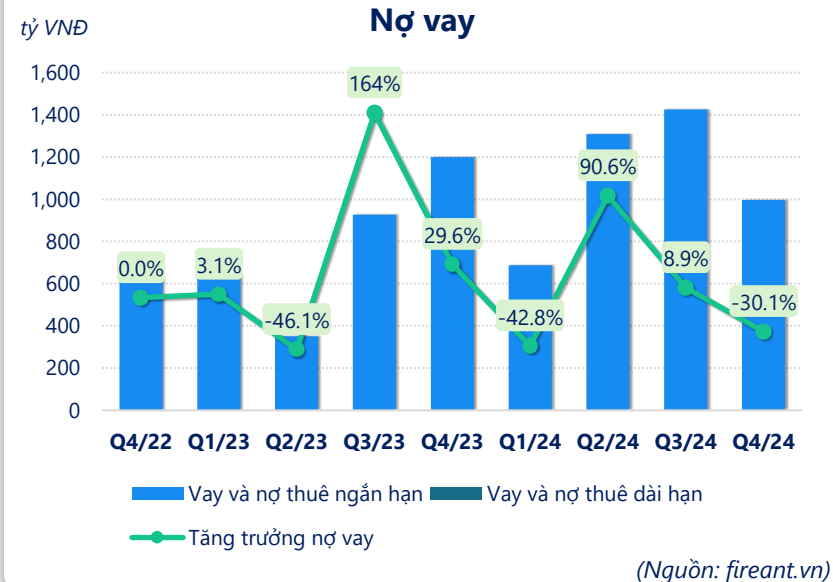
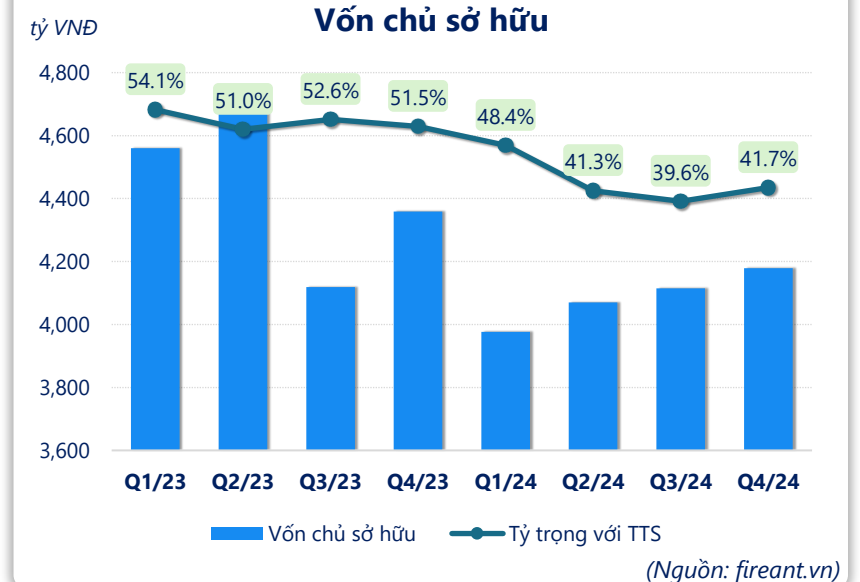
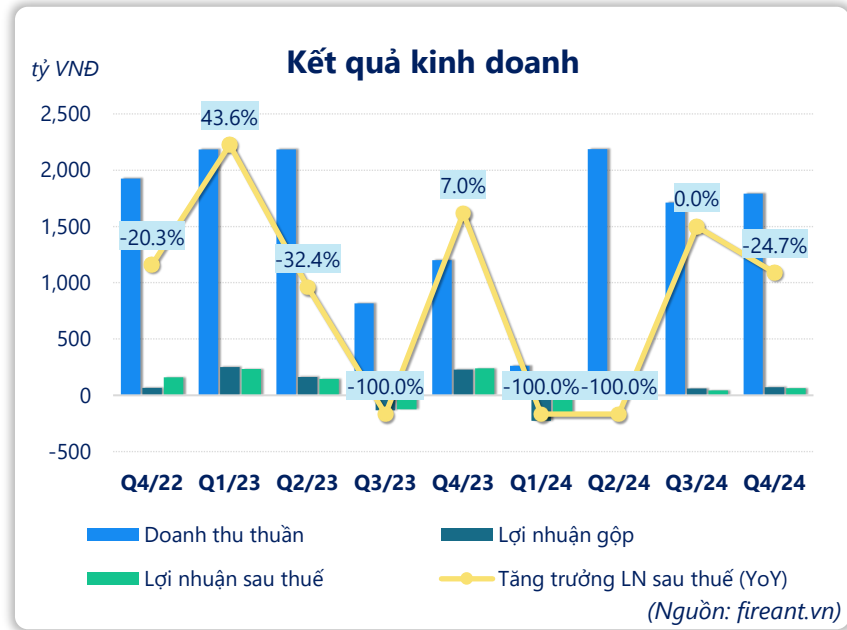
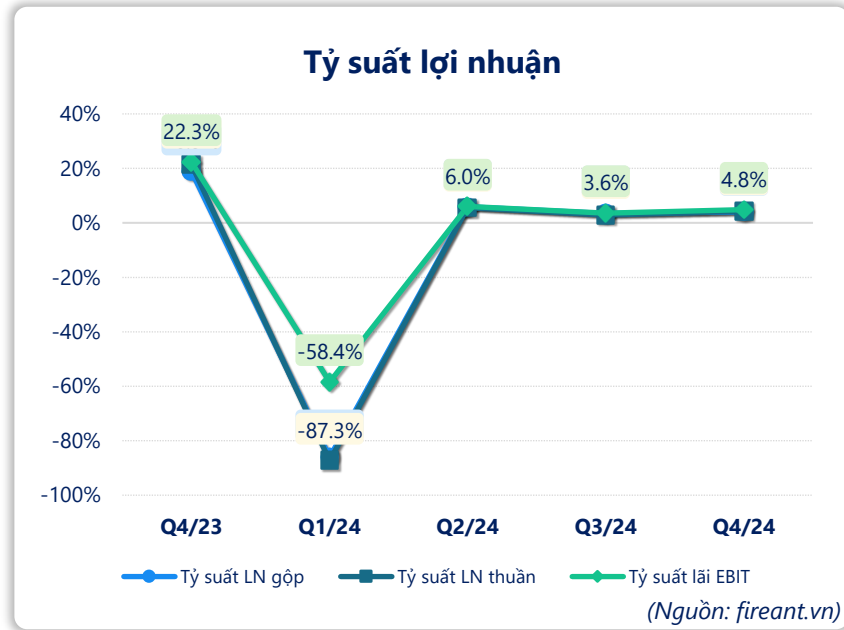
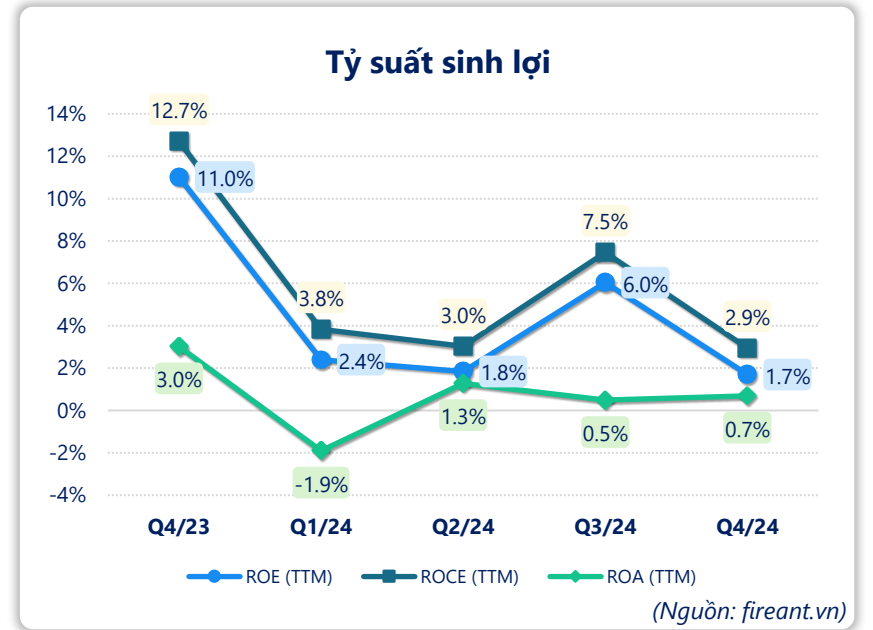
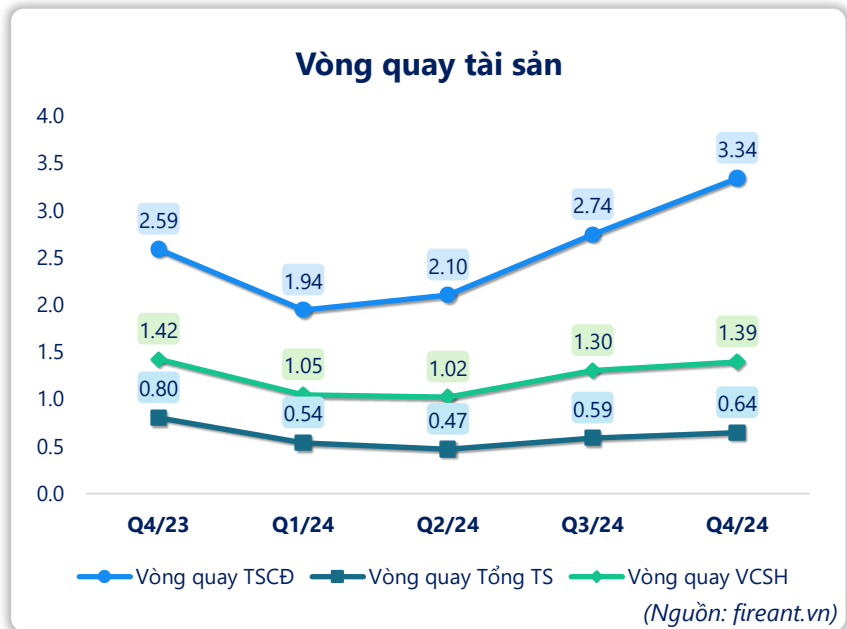
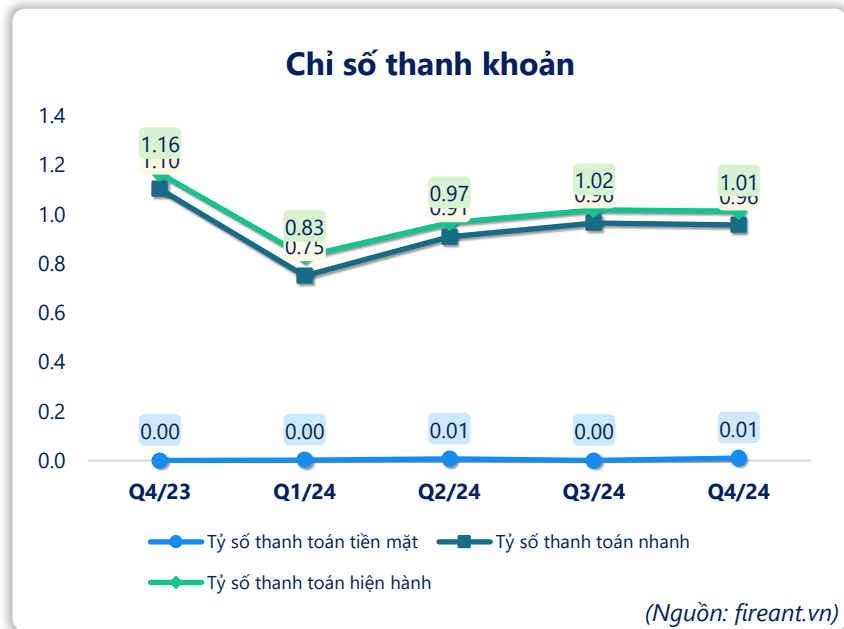
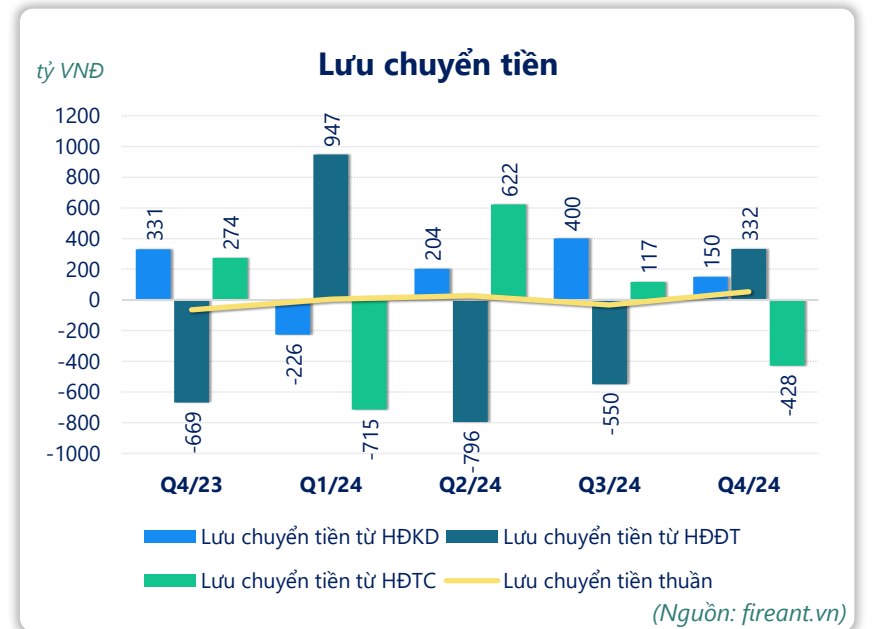


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		20,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,883
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,594
SL cổ phiếu LH		287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)		389,520
% sở hữu nước ngoài		13.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,031
P/E		83.4
EPS		251

	YTD	1T	3T	6T
NT2		10.9%	10.9%	-0.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	10,015	8,451	18.5%
Tài sản ngắn hạn	5,912	4,770	23.9%
Tiền và tương đương tiền	57.0	1.15	4841%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,273	2,100	8.2%
Phải thu ngắn hạn	2,997	2,326	28.9%
Hàng tồn kho	333	260	27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	252	82.7	205%
Tài sản dài hạn	4,103	3,681	11.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,442	2,125	-32.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2,661	1,556	71.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,836	4,115	41.8%
Nợ ngắn hạn	5,836	4,115	41.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	996	1,200	-17.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,687	1,680	119%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,179	4,336	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	4,179	4,336	-3.6%
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1,201	262	2,186	1,712	1,792
Giá vốn hàng bán	974	487	2,057	1,652	1,719
Lợi nhuận gộp	227	-225	130	59.6	72.9
Doanh thu HĐTC	32.1	19.4	19.2	26.7	34.6
Chi phí TC	11.9	7.89	8.69	11.8	10.3
Chi phí lãi vay	11.5	5.13	8.66	11.0	10.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-9.58	14.7	18.4	25.2	21.1
LN thuần từ HĐKD	257	-229	122	49.3	76.1
Lợi nhuận khác	-0.07	70.5	0.57	1.03	0.24
LN trước thuế	257	-158	122	50.4	76.4
Lợi nhuận sau thuế	240	-158	122	44.3	64.0
LNST của CĐ cty mẹ	240	-158	122	44.3	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	331	-226	204	400	150
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-669	947	-796	-550	332
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	274	-715	622	117	-428
Tiền đầu kỳ	65.3	1.15	6.97	35.7	3.06
Lưu chuyển tiền thuần	-64.2	5.82	28.7	-32.7	53.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.15	6.97	35.7	3.06	57.0

(Nguồn: fireant.vn)